

Phẩm 3: PHẨM DANH SẮC CỦA PHẦN ĐẦU MỐI

Có người ra đời hiệu là Như lai Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, gọi Danh sắc, giải thoát danh sắc, dứt danh sắc.

Hỏi: Thế nào là danh sắc?

Đáp: Nếu tưởng nhớ, giả gọi, đặt ra danh thì đây gọi là Danh.

Sắc là sao?

Đáp: Nếu sắc pháp, thì đây gọi là sắc. Lại nữa, do sự tưởng nhớ, giả gọi, sinh khởi xúc thọ, tưởng, tư, tư duy, đây gọi là Danh. Mười sắc nhập và sắc của pháp nhập, đây gọi là sắc. Lại nữa, năm pháp đứng đầu của xúc, đây gọi là Danh bốn đại và cái do bốn đại, đây gọi là Sắc.

Lại nữa, nếu pháp chẳng phải sắc hữu vi, thì đây gọi là Danh. Sắc có ba thứ: có thể thấy có đối, không thể thấy có đối, và không thể thấy không có đối, đây gọi là sắc. Danh sắc như thế, đây gọi là Danh sắc.

Vì sao gọi là Danh sắc?

Đáp: Vì muốn cho danh sắc này thích ứng với chánh thuyết, mở bày, phân biệt, bày tỏ, giả gọi, nên gọi là Danh sắc.

Hỏi: Thế nào là giải thoát danh sắc?

Đáp: Nếu dùng phương tiện giải thoát, thấy, biết đối với danh sắc, gọi là giải thoát danh sắc.

Dứt danh sắc là thế nào?

Đáp: Nếu đối với danh sắc, điều phục dục nhiễm, đoạn trừ dục nhiễm, gọi là dứt danh sắc.

Nay sẽ tập hợp môn chánh của danh sắc:

Nhân, khởi, tăng, thượng, chung, báo, dựa vào, sự ăn, nuôi lớn, gìn giữ, gồm thâm vi tế, đối tượng nương tựa, vật cần dùng; phôi thai, sinh đạo hướng đến, sự thấm nhuần, chảy đầy khắp. Không điều phục, không kiên cố, không thủ hộ, không gồm thâm, không tu, điều phục kiên cố, thủ hộ, gồm thâm, tu, không giải, không chứng, không dứt, không hết, không diệt, giải, chứng, dứt, tận, diệt, chỗ hỷ, chỗ ưu, chỗ xả, thiện bất thiện, vô ký, học Vô học, phi học phi Vô học, báo, pháp báo, chẳng phải báo, chẳng phải pháp báo, kiến đoạn, tư duy đoạn, không phải kiến đoạn, không phải tư duy đoạn. Nhân của kiến đoạn, nhân của tư duy đoạn, chẳng phải nhân của kiến đoạn, chẳng phải nhân của tư duy đoạn.

Thuộc về cõi Dục, thuộc về cõi Sắc, thuộc về cõi Vô sắc, không thuộc về quá khứ, vị lai, hiện tại. Đây, gọi là môn chánh của danh sắc.

Nhân nghĩa là nhân duyên, khởi là nhân duyên, báo là nhân duyên.

Chung, nghĩa là nhân duyên, tăng thượng là y duyên, y là nhân duyên, ăn là y duyên, sự nuôi lớn, gìn giữ, gồm thâu vi tế, đối tượng nương tựa, đối tượng cần dùng cũng như thế.

Thai mới, nghĩa là nhân duyên, chỗ trụ thai là y duyên, sinh là: nhân duyên, đạo là: nhân duyên, tìm hướng đến là: nhân duyên, thấm nhuần là: y duyên, chất lỏng đầy khắp cũng như thế.

Không điều phục, nghĩa là không biết thế gian, không dứt thế gian, không kiên cố, không thủ hộ, không gồm thâu, không tu cũng như thế.

Điều phục, nghĩa là biết thế gian, dứt thế gian, kiên cố, thủ hộ, gồm thâu, tu cũng như thế.

Không giải, nghĩa là chưa trí biết, chưa do dứt trí biết, không chứng: là chưa chứng thấy, biết, không dứt là: chưa buộc dứt, không tận là: chưa hết cuối cùng, không diệt là: chưa trí duyên diệt, phi trí duyên diệt, giải là: trí biết, dứt trí biết, chứng là: biết thấy dứt (tri kiến đoạn), dứt là: dứt tạm thời, tận là: hết rốt ráo, diệt là: trí duyên diệt, phi trí duyên Diệt tận.

Hỷ, nghĩa là khởi nhân của hỷ và thọ báo, chỗ ưu: là ưu khởi nhân và thọ báo, chỗ xả: là xả khởi nhân và thọ báo.

Thiện, là danh sắc được tu, bất thiện là danh sắc bị đoạn, vô ký: danh sắc đã thọ nhận và pháp chẳng phải báo. Học, danh sắc của bậc Thánh chẳng phải Vô học. Vô học: là danh sắc của Thánh chẳng phải Học. Phi học, phi Vô học: là danh sắc của không phải Thánh. Báo: là thọ danh sắc và báo thiện, pháp báo: là danh sắc có báo, chẳng phải báo, chẳng phải pháp báo: là danh sắc vô ký, không thuộc về phần ngã.

Kiến đoạn, là danh sắc bất thiện, không phải tư duy đoạn. Tư duy đoạn: là danh sắc bất thiện không phải kiến đoạn, không phải tư duy đoạn: danh sắc hoặc thiện, hoặc vô ký.

Nhân của kiến đoạn, nghĩa là danh sắc, hoặc kiến đoạn, hoặc pháp báo thiện của kiến đoạn.

Nhân của tư duy đoạn, nghĩa là danh sắc, hoặc tư duy đoạn, hoặc pháp báo của tư duy đoạn.

Không phải kiến đoạn, chẳng phải nhân của tư duy đoạn, nghĩa là danh sắc hoặc pháp thiện, hoặc báo của pháp thiện, hoặc không phải báo, không phải pháp báo. Thuộc về cõi Dục, nghĩa là danh sắc, hoặc là dục lậu, hữu lậu, thuộc về cõi Sắc, nghĩa là danh sắc, hoặc là sắc lậu, hữu lậu. Thuộc về cõi Vô sắc, nghĩa là danh sắc, hoặc là lậu, hữu lậu Vô sắc. Không thuộc về nghĩa là danh sắc, nếu là vô lậu của bậc

Thánh.

Quá khứ, là danh sắc đã sinh, đã diệt, vị lai, là danh sắc chưa sinh, chưa phát ra, hiện tại, là danh sắc sinh, chưa diệt.

Danh là nhân của danh. Danh là nhân của sắc. Danh là nhân của danh sắc. Sắc là nhân của danh. Sắc là nhân của sắc. Sắc là nhân của danh sắc. Danh sắc là nhân của danh. Danh sắc là nhân của sắc. Danh sắc là nhân của danh sắc.

Danh là khởi. Danh là khởi của danh. Sắc là khởi của danh. Danh sắc là khởi sắc. Danh là khởi của sắc. Sắc là khởi của sắc. Danh sắc là khởi của danh sắc. Danh là khởi của danh sắc. Sắc là khởi của danh sắc.

Danh, là báo của danh. Danh là báo của sắc. Danh là báo của danh sắc. Sắc là báo của danh. Sắc là báo của sắc. Sắc là báo của danh sắc. Danh sắc là báo của danh. Danh sắc là báo của sắc. Danh sắc là báo của danh sắc.

Danh chung với danh. Danh chung với sắc. Danh chung với danh sắc. Sắc chung với danh. Sắc chung với sắc. Sắc chung với danh sắc. Danh sắc chung với danh. Danh sắc chung với sắc. Danh sắc chung với danh sắc.

Danh, là tăng thượng của danh. Danh là tăng thượng của sắc. Danh là tăng thượng của danh sắc. Sắc là tăng thượng của danh. Sắc là tăng thượng của sắc. Sắc là tăng thượng của danh sắc. Danh sắc là tăng thượng của danh. Danh sắc là tăng thượng của sắc. Danh sắc là tăng thượng của danh sắc.

Danh nương tựa danh. Danh nương tựa sắc. Danh nương tựa danh sắc. Sắc dựa vào danh. Sắc dựa vào sắc. Sắc dựa vào danh sắc. Danh sắc dựa vào danh. Danh sắc dựa vào sắc. Danh sắc dựa vào danh sắc.

Danh, là ăn của danh. Danh là ăn của sắc. Danh là ăn của danh sắc. Sắc là ăn của danh. Sắc là ăn của sắc. Sắc là ăn của danh sắc. Danh sắc là ăn của danh. Danh sắc là ăn của sắc. Danh sắc là ăn của danh sắc. Sự nuôi lớn, gìn giữ, gồm thâu vi tế chỗ nương tựa, các vật cần dùng cũng như thế.

Danh, là phôi thai của danh. Danh là phôi thai của sắc. Danh là phôi thai của danh sắc. Sắc là phôi thai của danh. Sắc là phôi thai của sắc. Sắc là phôi thai của danh sắc. Danh sắc là phôi thai của danh. Danh sắc là phôi thai của sắc. Danh sắc là phôi thai của danh sắc. Chỗ trú cũng vậy.

Danh sinh danh. Danh sinh sắc. Danh sinh danh sắc. Sắc sinh danh. Sắc sinh sắc. Sắc sinh danh sắc. Danh sắc sinh danh. Danh sắc sinh sắc.

Danh sắc sinh danh sắc.

Danh là đạo. Danh là đạo của sắc. Danh là đạo của danh sắc. Sắc là đạo của danh. Sắc là đạo của sắc. Sắc là đạo của danh sắc. Danh sắc là đạo của danh. Danh sắc là đạo của sắc. Danh sắc là đạo của danh sắc. Chỗ hướng đến cũng như thế.

Danh là thấm nhuần của danh. Danh là thấm nhuần của sắc. Danh, thấm nhuần danh sắc. Sắc là thấm nhuần danh. Sắc là thấm nhuần sắc. Sắc là thấm nhuần của danh sắc. Danh sắc là thấm nhuần danh. Danh sắc là thấm nhuần sắc. Danh sắc là thấm nhuần danh sắc. Chảy đầy khắp cũng như thế.

Danh là danh không điều phục. Danh không điều phục là sắc không điều phục. Danh không điều phục là danh sắc không điều phục. sắc không điều phục là danh không điều phục. Sắc không điều phục là sắc không điều phục. sắc không điều phục là danh sắc không điều phục. Danh sắc không điều phục là danh không điều phục. Danh sắc không điều phục là sắc không điều phục. Danh sắc không điều phục là danh sắc không điều phục. Không kiên cố, không thủ hộ, không gồm thâu, không tu cũng như thế!

Danh là điều phục, là Danh điều phục. Danh điều phục là sắc điều phục. Danh điều phục là danh sắc điều phục. Sắc điều phục là danh điều phục. Sắc điều phục là sắc điều phục. Sắc điều phục là danh sắc điều phục. Danh sắc điều phục là danh điều phục. Danh sắc điều phục là sắc điều phục. Danh sắc điều phục là danh sắc điều phục. Kiên cố, thủ hộ, gồm thâu, tu cũng như thế.

Danh là chưa giải, là Danh chưa giải. Danh chưa giải là sắc chưa giải. Danh chưa giải là danh sắc chưa giải. Danh chưa là danh sắc chưa giải. Sắc chưa giải là danh chưa giải. Sắc chưa giải là sắc chưa giải. Sắc chưa giải là danh sắc chưa giải. Danh sắc chưa giải là danh chưa giải. Danh sắc chưa giải là sắc chưa giải. Danh sắc chưa giải là danh sắc chưa giải. Chưa chứng, chưa đoạn, chưa hết, chưa diệt cũng như thế.

Danh là giải là danh chưa giải. Danh giải là sắc giải. Danh giải là danh sắc giải. Sắc giải là danh giải. Sắc giải là sắc giải. Sắc giải là danh sắc giải. Danh sắc giải là danh giải. Danh sắc giải là sắc giải. Danh sắc giải là danh sắc giải. Chứng, đoạn, hết, diệt cũng như thế!.

Duyên danh của hỷ xứ sinh danh hỷ xứ (danh của chỗ hỷ), sinh sắc hỷ xứ, danh sắc hỷ xứ. Duyên sắc của hỷ xứ sinh danh hỷ xứ, sắc hỷ xứ, danh sắc hỷ xứ. Duyên danh sắc của hỷ xứ sinh danh hỷ xứ, sắc hỷ xứ, danh sắc hỷ xứ. Ưu xứ, xả xứ cũng như thế.